TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-3-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Trường.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 660/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Vũ K, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Đỗ Bé A, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị Trần Thanh T trình bày: Chị và anh Đỗ Vũ K tự nguyện thành hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ

yếu do anh K không quan tâm, lo lắng về kinh tế cho gia đình, dẫn đến vợ chồng bất hoà và hay cãi nhau. Do không thể tiếp tục sống chung được nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Thời gian chung sống, chị và anh K có 02 con chung tên Đỗ Văn K1, sinh ngày 20/5/2020 và Đỗ Văn T1, sinh ngày 03/02/2023 hiện đang ở với chị T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi 02 con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng cho 02 con chung, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, biển kiểm soát 69N1-774.51, anh K đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và đang quản lý, sử dụng, mua tháng 05 năm 2022 giá trị 56.000.000 đồng, thống nhất trừ khấu hao giá trị hiện còn 26.000.000 đồng; tại đơn khởi kiện chị yêu cầu chia đôi giá trị chiếc xe, đến ngày 19/02/2024 chị rút lại yêu cầu chia tài sản.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Đỗ Vũ K trình bày: Anh và chị Trần Thanh T tự nguyện thành hôn vào năm 2017 là đúng, có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn do chị T gửi các con cho cha mẹ vợ nuôi nấng, anh không đồng ý, dẫn đến vợ chồng bất hoà và hay cãi nhau. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày, anh yêu cầu nuôi con chung tên Đỗ Văn K1; đồng ý giao con chung tên Đỗ Văn T1 cho chị T nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ngoài 01 chiếc xe môtô như chị T trình bày, còn có nữ trang cho trong ngày cưới là 05 chỉ vàng 24k, gồm 01 dây chuyền trọng lượng 02 chỉ và 01 tấm lắc trọng lượng 03 chỉ, hiện số vàng trên mẹ vợ tên Trần Thị M đang quản lý. Anh không đặt ra yêu cầu chia tài sản.

Về nợ chung: Trước đây có mượn chị Đỗ Bé A số tiền 30.000.000 đồng và chị Đỗ Mộng N số tiền 20.000.000 đồng để mua chiếc môtô nêu trên, sau đó có trả cho chị A 15.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng; đối với Mộng N đã trả xong, không còn nợ. Anh không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung.

Chị Đỗ Bé A trình bày: Trước đây chị có cho chị T và anh K mượn số tiền 30.000.000 đồng, không làm biên nhận, sau đó chị T và anh K có trả 15.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng đến nay chưa trả. Chị yêu cầu chị T và anh K có nghĩa vụ trả số tiền trên, mỗi người có nghĩa vụ trả 7.500.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thanh T: Chấp nhận cho chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Đỗ Vũ K; chị T nuôi con chung tên Đỗ Văn K1, sinh ngày 20/5/2020 và Đỗ Văn T1, sinh ngày 03/02/2023 hiện đang ở cùng chị T; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi mỗi cháu thành

niên; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung; chị T và anh K chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thanh T, anh Đỗ Vũ K, bà Trần Thị M, chị Đỗ Bé A có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K được xác lập vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian chị T và anh K chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, nghiêm trọng hơn là chị T và anh K đã tự sống riêng với nhau, đôi bên không tự giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án chị T và anh K thống nhất ly hôn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung đang ở cùng chị T, sau khi ly hôn anh K thống nhất giao cháu Đỗ Văn T1 cho chị T nuôi theo yêu cầu của chị T và thực tế cháu T1 chưa đủ 36 tháng tuổi.

Đối với cháu Đỗ Văn K1 chị T và anh K đều có yêu cầu nuôi; xét thấy, thời gian anh chị không còn ở chung thì cháu K1 sống cùng chị T và vẫn phát triển bình thường, để không làm xáo trộn môi trường sống của các con chung, nên tiếp tục giao Đỗ Văn K1 và Đỗ Văn T1 cho chị T nuôi.

Xét yêu cầu của chị T về việc cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử thấy rằng Đỗ Văn K1, sinh ngày 20/5/2020 và Đỗ Văn T1, sinh ngày 03/02/2023 là con chung của chị T và anh K nên anh chị phải cùng có trách nhiệm, anh K không đồng ý cấp dưỡng cho các con chung là chưa đúng quy định. Bởi lẽ, theo quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình anh K không trực tiếp nuôi các con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung. Xét nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con và điều kiện kinh tế của anh K, anh K xác định anh có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng, nên buộc anh K cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi mỗi cháu thành niên.

Anh K phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị T rút lại yêu cầu và không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị T. Anh K không đặt ra yêu cầu chia tài sản, nên không giải quyết.

Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh K không yêu cầu giải quyết. Chị Đỗ Bé A có yêu cầu chị T và anh K có nghĩa vụ trả số tiền 15.000.000 đồng, ngày 07/02/2024 chị B A đã nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Toà án, đã hết thời hạn nhưng chị B A vẫn chưa nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí, nên Toà án không giải quyết yêu cầu của chị B A trong vụ kiện này.

Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng với nhận định của Toà án, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T và anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp được khấu trừ.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Đỗ Vũ K.

2. Về con chung: Chị T nuôi hai con chung tên Đỗ Văn K1, sinh ngày 20/5/2020 và Đỗ Văn T1, sinh ngày 03/02/2023 hiện đang ở cùng chị.

Buộc anh Đỗ Vũ K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Đỗ Văn K1 và Đỗ Văn T1, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh K chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh K còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị T có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007499 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ. Chị T có nộp tạm ứng án phí chia tài sản 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007500 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (cấp dưỡng) anh K phải chịu 300.000 đồng.

Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hưng (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Việt Xô